

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 667/2018/HC-PT

Ngày 18/12/2018;

V/v Yêu cầu hủy “Quyết định
hành chính về chế độ chính sách”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;
- Các Thẩm phán: + Ông Nguyễn Xuân Phách;
+ Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 313/2018/TLPT-HC ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc khởi kiện “Quyết định hành chính về chế độ chính sách” do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 64/2018/HC-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8025/2018/QĐ-PT ngày 30/11/2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1950, trú tại Thôn 6 TĐ, xã ĐT, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị T là ông Lê Bá M, sinh năm 1989; trú tại Khu 7, thị trấn TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2018); có mặt tại phiên tòa.

Người bị kiện: Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa, địa chỉ cơ quan tại số 78, phố TVĐ, phường ĐT, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo pháp luật là Ông Trịnh Ngọc D, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Sở là ông Dương Văn H là Phó Giám đốc sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa (Theo Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2018); có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968, là em ruột ông Nguyễn Văn U, địa chỉ tại

Thôn 6 TĐ, xã ĐT, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

2. Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ cơ quan tại Phường QT, thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Văn T2 - Giám đốc Trung tâm. Người được Giám đốc ủy quyền tham gia phiên tòa là ông Lê Xuân T3, Phó Giám đốc Trung tâm (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/7/2018); có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Nguyễn Văn U', sinh năm 1949, là thương binh nặng, hiện bị "Tâm thần phân liệt", đang được điều dưỡng tại Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa. Người giám hộ cho ông Nguyễn Văn U' là Ông Lê Thanh L, Trưởng phòng Tổ chức-Cán bộ của Trung tâm; tại Công văn số 275/TTĐNCC-TCHC ngày 17/12/2018 đại diện Trung tâm xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K: Ông Trần Đại P, sinh năm 1985 là Luật sư của Công ty Luật KT, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1950, địa chỉ tại Thôn 6, TĐ, xã ĐT, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa;

2. Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1949, địa chỉ tại Thôn 5, xã ĐT, huyện YĐ, tỉnh TH;

Những người làm chứng đều có đơn xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị T1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn U' (tức Nguyễn Đăng U') tổ chức cưới nhau vào năm 1977, đám cưới được hai bên gia đình tổ chức, có sự chứng kiến của họ hàng, bạn bè và hàng xóm. Việc tổ chức đám cưới sau khi có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, tuy nhiên, thời gian quá lâu nên đăng ký kết hôn đã bị rách một phần, các cơ quan có thẩm quyền cũng không lưu giữ được sổ sách theo dõi.

Năm 1980, bà sinh ra anh Nguyễn Văn T4, khi đó bà vẫn đang ở cùng gia đình nhà chồng. Mẹ chồng là bà Lê Thị U'1 đã đến Hợp tác xã gặp bà Trịnh Thị L khi đó là Kế toán Hợp tác xã, nay là Phó Chủ tịch xã để xin cấp lúa chế độ sinh con. Sau này bà xin đất để ra ở riêng. Ngày 28/8/2007 bà được chính quyền địa phương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI - 126962 mang tên bà Vũ Thị T1 và ông Nguyễn Văn U' tại Thửa đất 197 Tờ bản đồ số 09; địa chỉ thửa đất tại thôn 14, xã ĐT, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa, với diện tích đất là 265 m².

Sau khi tổ chức cưới, do ông U' là bệnh binh nặng, nên ông lại về Trại điều dưỡng thương binh nặng tại Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa để điều dưỡng, bà và gia đình vẫn thường xuyên tới thăm ông ở Trung tâm hoặc xin được đón ông về nhà vào các dịp lễ tết...

Hiện nay, ông Nguyễn Văn U' vẫn đang sinh sống và điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa. Hàng tháng, ông được nhận một số tiền trợ cấp dành cho bệnh binh nặng; số tiền này sau khi trừ chi phí sinh hoạt của ông tại Trung tâm, số tiền còn lại do bà T1 nhận. Tuy nhiên, từ cuối năm 2012, khi em trai ông U' là ông Nguyễn Văn K có đơn khiếu nại gửi đến các cơ quan liên quan, cho rằng bà Vũ Thị T1 không phải là vợ ông U' và đề nghị dừng việc chi trả số tiền trợ cấp hàng tháng của ông U' cho bà T1. Vụ việc đã được giải quyết, sau đó, tiền trợ cấp còn thừa của ông U' vẫn được Trung tâm giao cho bà T1 nhận vì căn cứ vào hồ sơ Trung tâm đang quản lý thì xác định bà T1 vẫn là vợ ông Nguyễn Văn U'.

Đến năm 2015, ông Nguyễn Văn K tiếp tục có đơn khiếu nại gửi đến các cơ quan có thẩm quyền, trong đó có Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa vẫn với nội dung như trên.

Ngày 11/3/2016, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa có Công văn số 82/SLĐTBXH-TTr "Về việc giải quyết đơn phản ánh của ông Nguyễn Văn K". Theo văn bản chỉ đạo của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa nên từ đó đến nay Trung tâm không chi trả cho ai; số tiền thừa của ông Nguyễn Văn U' được tạm gửi tại ngân hàng.

Ngày 19/6/2017 bà Vũ Thị T1 khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa yêu cầu hủy Công văn số 82/SLĐTBXH-TTr ngày 11/3/2016 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa, đồng thời trả số tiền trợ cấp cho ông Nguyễn Văn U' từ tháng 02/2016 đến nay cho bà vì bà hiện vẫn là vợ của ông Nguyễn Văn U'.

Ý kiến của đại diện Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa trình bày:

Sau khi có khiếu nại của ông Nguyễn Văn K (ông K là em ruột của của ông Nguyễn Văn U' là Bệnh binh tâm thần hạng 1/3, hiện nay đang nuôi dưỡng tại Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa), nội dung khiếu nại cho rằng bà Vũ Thị T1 không phải là vợ ông U' và cung cấp các tài liệu khẳng định bà Vũ Thị T1 không phải vợ ông Nguyễn Văn U', cho nên việc Giám đốc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa yêu cầu Trung tâm Điều dưỡng Người có công dừng việc chi trả số tiền trợ cấp hàng tháng của ông Nguyễn Văn U' khi chưa có kết luận chính thức của cơ quan chức năng là đúng quy định.

Đại diện của Trung tâm Điều dưỡng Người có công của tỉnh Thanh Hóa khẳng định:

Ông Nguyễn Văn U' là thương binh nặng, chuyển về Trung tâm từ tháng 5/1979. Hiện tại ông U' là bệnh binh tâm thần với tỷ lệ 81%. Hàng tháng ông U' được trợ cấp một khoản tiền, sau khi trừ tiền ăn mỗi tháng ông U' còn được lĩnh hơn 2 triệu đồng. Từ những năm về trước bà Lê Thị U'1 là mẹ ông U', ông Nguyễn Văn K hoặc bà Vũ Thị T1 lĩnh số tiền này, nhưng từ năm 2012, sau khi bà Lê Thị U'1 chết, do có đơn khiếu nại của ông K nên Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh

Thanh Hóa đã có Văn bản số 82/SLĐTBXH-TTr ngày 11/3/2016 “về việc giải quyết đơn phản ánh của ông Nguyễn Văn K”, theo đó yêu cầu Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa tạm dừng chi trả số tiền trợ cấp còn lại của Bệnh binh Nguyễn Văn U cho bất kỳ ai khi các cơ quan chức năng đang giải quyết khiếu nại. Hiện nay số tiền trợ cấp còn lại sau khi trừ tiền ăn của Bệnh binh Nguyễn Văn U từ tháng 02/2016 đến tháng 6/2018 còn tổng cộng là 80.475.000 đồng (Tám mươi triệu bốn trăm bảy lăm ngàn đồng). Số tiền này Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa đang gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh SS.

Ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông không công nhận bà Vũ Thị T1 là vợ của ông Nguyễn Văn U vì tất cả các loại giấy tờ mà bà T1 xuất trình đều là giả mạo, những người làm chứng đều khai không đúng sự thật. Ông đề nghị Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa trả số tiền trợ cấp của ông U cho thân nhân của ông U chứ không phải trả cho bà Vũ Thị T1.

Những người làm chứng: (1) Ông Nguyễn Văn B khẳng định: Tôi là hàng xóm của cả hai bên, tôi còn là họ hàng xa của ông U và chính tôi là người đi dự đám cưới anh U và chị T1, tôi thấy ngày tết anh U vẫn về nhà chị T1, nhưng trong những năm gần đây thì khoảng 1 đến 2 năm mới về một lần. (2) Bà Trịnh Thị L cũng trình bày: Khoảng năm 1975 hay năm 1976 gì đó (lâu lắm rồi tôi không nhớ) tôi đang làm Phó Chủ tịch xã, tôi được bà T1 mời sang ăn cỗ cưới ông U lấy bà T1 và sau này khi bà T1 sinh con, mẹ anh U là bà Lê Thị U1 còn sang Ủy ban xã để xin trợ cấp lúa của xã.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 64/2018/HC-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 3 Điều 55; khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm d Mục 3 của Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Quyết định:

- + Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị T1;
- + Hủy công văn số 82/SLĐTBXH-TTr ngày 11/3/2016 của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa;
- + Bà Vũ Thị T1 được nhận số tiền trợ cấp còn lại sau khi trừ tiền ăn của bệnh binh Nguyễn Văn U từ tháng 02/2016 đến tháng 6/2018, tổng cộng là 80.475.000 đồng (Tám mươi triệu bốn trăm bảy lăm ngàn đồng), số tiền này Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa đang gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh SS. Bà Vũ Thị T1 có trách nhiệm liên hệ với Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa để được nhận số tiền này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 7 năm 2018 ông Nguyễn Văn K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi phân tích, đánh giá về vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa cho rằng, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thủ tục tố tụng và thời hiệu khởi kiện:

Công văn số 82/SLĐT BXH-TTTr ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa về nội dung "Giải quyết đơn phản ánh của ông Nguyễn Văn K" là văn bản hành chính, cho nên là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính. Ngày 19 tháng 6 năm 2017, bà Vũ Thị T1 khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa yêu cầu hủy công văn nêu trên còn trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã thụ lý và giải quyết theo yêu cầu khởi kiện là đúng thẩm quyền, đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, cũng như ở phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quan điểm và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như những người làm chứng không thay đổi ý kiến; tại phiên tòa phúc thẩm, bà Vũ Thị T1 bổ sung thêm một số chứng cứ, tài liệu để đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản hướng dẫn thực hiện quy định có 12 diện đối tượng được công nhận là người có công với cách mạng. Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Theo đó, mỗi diện đối tượng có điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục hồ sơ xác nhận khác nhau. Đối tượng là Bệnh binh quy định tại Điều 23 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công; Điều 33 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; Điều 25, Điều 26 của Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Thông tư số 202/2013/TT-BQP

ngày 7/11/2013 của Bộ Quốc phòng ; Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 22/10/2013 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của họ, theo đó xác định cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con đang chăm sóc bệnh binh là người được hưởng các chế độ liên quan đến Bệnh binh.

Trong vụ án này, vấn đề đặt ra là, sau khi bố mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn U' chết, thì ai là người được nhận phần chế độ này của ông Nguyễn Văn U'? bà Vũ Thị T1 có phải là vợ của ông U' hay không? Nếu xác định bà Vũ Thị T1 là vợ ông Nguyễn Văn U', đang thường xuyên chăm sóc ông U' thì theo Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng và các văn bản hướng dẫn thực hiện thì bà Vũ Thị T1 là người được nhận số tiền còn thừa hàng tháng của ông Nguyễn Văn U' là đúng quy định của pháp luật.

Trước hết, Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với việc Tòa án cấp sơ thẩm vận dụng một số quy định của pháp luật để xác định quan hệ vợ chồng, theo đó, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân Gia đình và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội. Tại điểm d Mục 3 của Thông tư liên tịch vừa nêu hướng dẫn: “Được coi nam và nữ sống chung với nhau như vợ chồng, nếu họ có đủ các điều kiện kết hôn quy định của luật Hôn nhân và Gia đình và thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Có tổ chức lễ cưới khi về sống chung với nhau; (2) Việc họ sống chung với nhau được người khác hay tổ chức chứng kiến...”

Quá trình giải quyết vụ án, trước sau bà T1 đều khẳng định: Bà và ông Nguyễn Văn U' (tức Nguyễn Đăng U') kết hôn với nhau năm 1977, đám cưới được hai bên gia đình tổ chức, có sự chứng kiến của họ hàng, bạn bè và hàng xóm. Năm 1980 bà sinh ra anh Nguyễn Văn T4 khi đó bà vẫn đang ở cùng gia đình nhà chồng. Sau khi bà sinh con, Bà Lê Thị U'1 là mẹ đẻ của ông U' đã đến Hợp tác xã ĐT gặp bà Trịnh Thị L khi đó là Kế toán Hợp tác xã xin cấp lưã chế độ sinh con. Sau này bà xin đất để ra ở riêng. Ngày 28/8/2007, vợ chồng bà được chính quyền địa phương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI-126962 mang tên bà Vũ Thị T1 và ông Nguyễn Văn U' tại Thửa đất 197 Tờ bản đồ số 09; địa chỉ thửa đất tại thôn 14, xã ĐT, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa với diện tích đất là 265 m². Bà T1 còn cung cấp nhiều tài liệu khác như Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, văn bản xác nhận của những người làm chứng... để chứng minh bà đang là vợ ông Nguyễn Văn U'.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã điều tra, xác minh và đặc biệt tại các phiên họp đối thoại, ông Nguyễn Văn B là người làm chứng khẳng định ông là hàng xóm của cả hai bên, ngoài ra ông còn có họ xa với ông U', ông được tham dự và có ăn cỗ cưới bà T1 và ông U'. Ông cũng còn thấy ngày tết ông U' có về

nhà bà T1, nhưng những năm gần đây thì khoảng 01 hay 02 năm mới về một lần. Bà Trịnh Thị L là người làm chứng cũng xác nhận rằng, khoảng năm 1976 hoặc năm 1977 bà không nhớ chính xác nhưng có tham dự và ăn cỗ cưới của bà T1 và ông U'. Năm 1980, khi bà T1 sinh con là Nguyễn Văn T4, bà Lê Thị U'1 là mẹ đẻ của ông U' có đến gặp bà, khi đó bà đang là Kế toán Hợp tác xã để xin trợ cấp khó khăn cho bà T1 khi bà T1 sinh con.

Quá trình điều tra, xác minh ở Tòa án cấp sơ thẩm, ông Lê Văn X, nguyên là người trực tiếp quản lý bệnh binh của Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa cũng xác nhận: Vào khoảng tháng 8 năm 1977, gia đình anh U' có xin cho anh U' về cưới vợ là bà Vũ Thị T1. Năm 1979 ông được về nghỉ chế độ, ông cũng vẫn thấy chị T1 ở nhà chồng là nhà ông Nguyễn Văn U'.

Những lời khai trên đây của các nhân chứng là phù hợp với nhau, cùng với việc bà T1 xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại Tòa án cấp sơ thẩm, nên có căn cứ xác định bà T1 và ông U' có tổ chức lễ cưới, sau khi cưới vợ chồng sống chung với nhau ở nhà chồng. Việc ông U' và bà T1 sống chung với nhau được hàng xóm trong đó có ông B, bà L và ông X tham dự đám cưới và xác nhận.

Trên thực tế, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI-126962 ngày 28/8/2007 cũng mang tên bà Vũ Thị T1 và ông Nguyễn Văn U' tại Thửa đất 197 Tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất tại thôn 14, xã ĐT, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa với diện tích đất là 265m².

Thêm nữa, liên quan đến nhân thân và xác nhận ông Nguyễn Văn U' và bà Vũ Thị T1 có quan hệ là vợ chồng còn được thể hiện qua các tài liệu sau:

(1) Tại “Phiếu cá nhân” của ông Nguyễn Văn U' do chính ông Nguyễn Văn U' khai ngày 05/01/1979, trong phần “Hoàn cảnh gia đình” ông U' tự khai: Vợ là bà Vũ Thị T1, 28 tuổi, Y sỹ trạm xá xã ĐT...

(2) Sổ hộ khẩu số 1364 do Công an xã ĐT cấp ngày 15/10/2004 xác định nội dung: Chủ hộ là bà Vũ Thị T1, quan hệ với chủ hộ có chồng là Nguyễn Văn U', con là Nguyễn Văn T4.

(3) Bản sao Giấy khai sinh của Nguyễn Văn T4 thể hiện: Nguyễn Văn T4, sinh ngày 20/5/1980; ghi họ tên cha mẹ đẻ: Cha là Nguyễn Văn U', mẹ là Vũ Thị T.

(4) Một số xác nhận khác khi Nguyễn Văn T4 đi học phổ thông để Nguyễn Văn T4 được hưởng chế độ con Thương Bệnh binh cũng xác nhận Nguyễn Văn T4 có bố đẻ là Nguyễn Văn U', hiện là Bệnh binh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Vũ Thị T1 cung cấp thêm 02 tài liệu: (1) 02 tấm ảnh chụp chung vợ chồng ông U', bà T với hai vợ chồng anh T4 mới cưới để chứng minh ông Nguyễn Văn U' và bà Vũ Thị T1 có tổ chức đám cưới cho con trai Nguyễn Văn T4 vào năm 2007 và (2) Giấy xác nhận của ông Vũ Phúc H, nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thời điểm cấp đất cho ông U' và bà T1, nội dung ông Vũ Phúc H khẳng định vì ông U' và bà T là vợ chồng cho nên ông mới đề nghị cấp đất cho hộ gia đình mang tên bà Vũ Thị T và ông Nguyễn Văn U'.

Từ những phân tích, nhận định như trên, cũng như đánh giá của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm đủ căn cứ khẳng định bà Vũ Thị T và ông Nguyễn Văn U là vợ chồng.

Theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, Luật Hôn nhân Gia đình và các văn bản hướng dẫn thực hiện thì bà T1 được nhận số tiền còn thừa hàng tháng của ông Nguyễn Văn U là đúng quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn K là em ruột của ông Nguyễn Văn U đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo cho rằng bà Vũ Thị T1 không phải là vợ ông Nguyễn Văn U cũng như anh Nguyễn Văn T không phải con của ông Nguyễn Văn U và bà Vũ Thị T1 là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy việc bà Vũ Thị T1 khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu được giải quyết là có căn cứ. Công văn số 82/SLĐTBXH-TTr ngày 11/3/2016 của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của bà Vũ Thị T1 nên bà Vũ Thị T1 yêu cầu hủy công văn này là đúng quy định của pháp luật.

Hiện nay số tiền trợ cấp còn lại sau khi trừ tiền ăn của bệnh binh Nguyễn Văn U hàng tháng, từ tháng 02/2016 đến tháng 6/2018 được tổng cộng là 80.475.000 đồng (Tám mươi triệu bốn trăm bảy lăm ngàn đồng). Số tiền này Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa đang gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Sầm Sơn, cho nên bà Vũ Thị T1 có quyền yêu cầu Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Sầm Sơn để nhận số tiền này.

Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn K không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho nên ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn K và giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm; cụ thể:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 3 Điều 55; khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm d Mục 3 của Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 giữa Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số

35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Quyết định:

1.1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị T1;
1.2. Hủy Công văn số 82/SLĐTBXH-TTr ngày 11/3/2016 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa;

1.3. Bà Vũ Thị T1 được nhận số tiền trợ cấp còn lại, sau khi trừ tiền ăn của Bệnh binh Nguyễn Văn U từ tháng 02/2016 đến tháng 6/2018 tổng cộng là 80.475.000 đồng (Tám mươi triệu bốn trăm bảy lăm ngàn đồng), số tiền này Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa đang gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh SS. Bà Vũ Thị T1 có quyền liên hệ với Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa để nhận số tiền này và cả số tiền của các tháng tiếp theo của ông Nguyễn Văn U tại Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm (Số tiền này được đối trừ vào khoản tiền dự phí kháng cáo phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2016/0005410 ngày 02/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa).

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2b), phòng HCTP (2b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Phúc